

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói thôn Suối Cau, xã Sơn Hòa,
tỉnh Đắk Lắk của Công ty TNHH Gạch Tuynel Sơn Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày
11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ
quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm,
đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số
48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT
ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025; Thông tư
số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 và Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT
ngày 19/5/2026;*

*Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh
về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc
thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của Công ty TNHH Gạch Tuynel Sơn Hòa tại Công văn số 39/CV-TNSH
ngày 30/9/2026 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
số 1011/TTr-SNNMT ngày 19/10/2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói thôn Suối Cau, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi là *Dự án*) của Công ty TNHH Gạch Tuynel Sơn Hòa (sau đây gọi là *Chủ dự án*) thực hiện tại thôn Sơn Hà, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
 - Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
 - Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và MT tỉnh;
 - UBND xã Sơn Hòa;
 - Công ty TNHH Gạch Tuynel Sơn Hòa;
- (Đ/c: Thôn Ngân Điền, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC.
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC MỎ SÉT GẠCH NGÓI THÔN SUỐI CAU, XÃ SƠN HÒA,
TỈNH ĐẮK LẮK.

(Kèm theo Quyết định số 3477 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác mỏ sét gạch ngói thôn Suối Cau, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Địa điểm thực hiện dự án: thôn Sơn Hà, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Gạch Tuynel Sơn Hòa.

- Dự án Khai thác mỏ sét gạch ngói thôn Suối Cau, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk đã được UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản sét tại Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 và kết quả thăm dò khoáng sản sét gạch ngói tại Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 26/6/2026.

1.2. Quy mô dự án

a) Diện tích đất sử dụng: khoảng 2,751 ha. Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
2	1.445.262,00	561.980,00
6	1.445.238,05	562.003,95
7	1.445.090,55	562.018,70
8	1.444.999,25	561.973,10
9	1.445.041,00	561.820,95

b) Quy mô đầu tư:

- Trữ lượng đất sét huy động khai thác: 22.000 m³ nguyên khai.

- Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp (khoáng sản đi kèm): 48.938 m³ nguyên khai.

- Mức sâu thấp nhất: 47,6 m.

- Công suất khai thác: Công suất khai thác đất sét: 4.400 m³ nguyên khai/năm; công suất khai thác đất san lấp: 11.000 m³ nguyên khai/năm.

- Thời gian hoạt động mỏ: 5 năm 6 tháng.

- Loại hình dự án: Khai thác khoáng sản.

1.3. Công nghệ khai thác

Công nghệ khai thác dự án là khai thác mỏ lộ thiên, cụ thể như sau:

- Công nghệ khai thác đất san lấp (*khoáng sản đi kèm*): Chuẩn bị mặt bằng, mở vỉa và bóc tầng đất phủ → Khai thác đất san lấp → Xúc trực tiếp lên ô tô → Vận chuyển đất san lấp đến công trình.
- Công nghệ khai thác đất sét: Thiết bị khai thác đất sét → Xúc trực tiếp lên ô tô → Vận chuyển đất sét về nhà máy sản xuất gạch, ngói.

1.4. Phạm vi hoạt động

- a) Hạng mục công trình chính: Tạo moong khai thác với diện tích 2,751 ha; xây dựng tuyến đường vận chuyển nội mỏ.
- b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường: Lắp đặt nhà điều hành (sử dụng container), hệ thống giám sát, biển báo giao thông; hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nhà vệ sinh di động,...
- c) Hoạt động của dự án:
 - Dọn dẹp tạo mặt bằng và thi công các hạng mục công trình: phát dọn thực bì, lắp đặt nhà điều hành (sử dụng container), hệ thống giám sát, biển báo giao thông, nhà vệ sinh di động, tạo hệ thống thu gom, thoát nước mưa; xây dựng tuyến đường nội mỏ;...
 - Khai thác, bóc xúc, vận chuyển đất sét, đất san lấp, vệ sinh thu gom chất thải rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án; thu gom, lưu giữ tạm đất tầng phủ; xây dựng hố lắng thu gom nước mưa trong khu vực mỏ, tạo rãnh thoát nước từ hố lắng tạm ra Suối Cau.
 - Cải tạo phục hồi môi trường: san gạt moong khai thác, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm, tháo dỡ và di dời thiết bị khai thác ra khỏi khu vực mỏ; gia cố hố lắng thu gom nước mưa và rãnh thoát nước; vận chuyển đất tầng phủ, san gạt và trồng cây xanh.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- *Giai đoạn xây dựng*: thi công đường tạm vận chuyển nội bộ mỏ; tu sửa tuyến đường đất hiện hữu ngoài mỏ (nếu hư hỏng); lắp đặt nhà điều hành (sử dụng container), hệ thống trạm cân và biển báo giao thông, hệ thống thu gom, thoát nước mưa,... phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt và chất thải rắn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- *Giai đoạn khai thác*: Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường: Hoạt động khai thác, đào và bốc xúc đất, hoạt động đào hồ lắng tạm thu gom nước mưa và rãnh thoát nước mưa ra Suối Cau; hoạt động từ phương tiện khai thác, vận chuyển và hoạt động sinh hoạt của công nhân;

- *Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường*: Tháo dỡ nhà điều hành, nhà vệ sinh di động, hệ thống giám sát; san gạt đáy moong khai thác; tu sửa, san gạt tuyến đường đất vận chuyển hiện hữu (nếu hư hỏng); gia cố hệ thống thoát nước đáy moong; trồng cây xanh phục hồi môi trường; hoạt động phương tiện, vận chuyển vật liệu và sinh hoạt của công nhân,... phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 0,2 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Do đặc thù dự án khai thác khoáng sản nên phát sinh nước thải xây dựng không đáng kể.

- Nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn tính toán (vào mùa mưa) trên diện tích khu vực dự án khoảng 5,58 lít/s. Thành phần chủ yếu nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công, sửa chữa tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ (nếu hư hỏng), lắp đặt nhà điều hành (sử dụng container), nhà vệ sinh di động, kho chứa,... Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x, SO₂. Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

3.1.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây....

- Chất thải rắn thông thường: khối lượng thực bì (cây bụi nhỏ, cành nhánh keo,..) phát sinh khoảng 2,5 tấn/toàn bộ giai đoạn; chất thải rắn xây dựng với khối lượng không đáng kể.

- Chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh khoảng 2,0 kg/toàn dự án. Thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt,...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào khu vực dự án.

3.2. Giai đoạn khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường:

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải: lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn khai thác khoảng 0,28 m³/ngày và trong giai đoạn phục hồi môi trường khoảng 0,2 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: bụi, khí phát sinh từ hoạt động khai thác, đào bốc xúc, vận chuyển đất đến công trình hoặc về nhà máy sản xuất gạch ngói; hoạt động san gạt đáy moong, tháo dỡ và vận chuyển thiết bị khai thác ra khỏi khu vực dự án, vận chuyển, san gạt đất tầng phủ trồng cây phục hồi môi trường, gia cố hệ thống thu gom, lưu chứa và thoát nước mưa.....thành phần chủ yếu là bụi và các khí SO₂, NO_x, CO, VOC, lưu lượng khí thải sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi hạt lớn có độ ẩm cao sẽ lắng đọng và phát tán trong phạm vi khai thác, khi vận chuyển bụi có thể ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, hoạt động giao thông.

c) Nguồn nước mưa chảy tràn: lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất (vào mùa mưa) khoảng 34,14 lít/s, thành phần chủ yếu là đất cát, chất thải rắn lơ lửng cuốn trôi.

3.2.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: trong quá trình hoạt động khai thác khối lượng phát sinh khoảng 3,5 kg/ngày, giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

- Chất thải rắn thông thường:

+ Trong giai đoạn khai thác: Khai thác khoáng sản chủ yếu là đất sét, đất làm vật liệu san lấp nên không phát sinh chất thải. Đất tầng phủ được san gạt trong quá trình khai thác được thu gom, lưu giữ tạm trong khu vực dự án

+ Trong giai đoạn đóng cửa mỏ: chủ yếu tháo dỡ các hạng mục công trình nhà điều hành (sử dụng container), nhà vệ sinh di động, kho chứa, hệ thống giám sát và san gạt tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ,...

- Chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh giai đoạn khai thác khoảng 5 kg/năm, thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dính dầu mỡ, mực in, bóng đèn...; giai đoạn cải tạo môi trường phát sinh không đáng kể.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động khai thác, xe vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác:

- Tác động đến hệ thống giao thông: Khi dự án hoạt động khai thác gia tăng mật độ phương tiện giao thông, làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn, phát sinh bụi gây ảnh hưởng đến việc lưu thông của người dân trên đường, nhà cửa, hoa màu của người dân dọc tuyến đường vận chuyển;

- Các sự cố sạt lở và lấp đất hoặc tháo dỡ thiết bị khai thác trong quá trình hoạt động gây ảnh hưởng tới an toàn lao động; sự cố tại hố lắng nước mưa có thể xảy ra.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Biện pháp thu gom nước thải sinh hoạt: Ưu tiên lao động người địa phương, thỏa thuận thuê nhà dân gần dự án để công nhân nghỉ ngơi và sinh hoạt, ngoài ra chủ dự án lắp đặt nhà vệ sinh di động tại khu vực dự án để sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn: Tạo các rãnh thu gom nước mưa để thu gom về hố lắng tạm (dung tích khoảng 360 m³) trước khi thoát ra suối cau phía Tây Bắc của dự án; các khu vực khác chảy theo hướng địa hình tự nhiên và tự thấm.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Chủ dự án chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, khai thác và cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe;

- Tất cả các phương tiện tham gia vận chuyển phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải;

- Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín ở thùng xe nhằm hạn chế bụi đất rơi vãi trên đường vận chuyển; phải tuân thủ chở đúng khối lượng, tốc độ, tải trọng của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định. Trường hợp, xảy ra sự cố rơi vãi, chủ dự án bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường vận chuyển, không để ảnh hưởng đến an toàn của người dân khi tham gia giao thông, mỹ quan khu vực và hạn chế phát tán bụi ra môi trường.

- Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo tuyến đường vận chuyển, khu vực khai thác và khu vực nguy hiểm để chính quyền địa phương, người dân biết phòng tránh và theo dõi.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển (đoạn qua khu dân cư) vào mùa nắng với tần suất 2 - 3 lần/ngày, tần suất này có thể tăng khi trời nắng nóng hoặc khu vực có khả năng phát tán bụi.

- Thường xuyên phối hợp với địa phương sửa chữa tuyến đường vận chuyển (nếu hư hỏng) để người dân đi lại được thuận lợi.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của dự án bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng, khai thác và đóng cửa mỏ được thu gom sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định hoặc chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án.

- Chất thải rắn thông thường: thu gom tất cả các loại chất thải phát sinh được thu gom vận chuyển về kho của Công ty để tái sử dụng với mục đích khác; Các chất thải còn lại không tái sử dụng sẽ thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Đối với đất tầng phủ được thu gom, lưu giữ trong khu vực dự án để phục vụ công tác cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc dự án.

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa trong thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông qua khu vực dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển khi qua khu vực dân cư đông đúc, điểm giao với quốc lộ.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn; hạn chế kéo còi dài khi qua khu dân cư,...

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện, máy móc, thiết bị hoạt động, bảo đảm luôn trong tình trạng hoạt động tốt, đạt tiêu chuẩn về độ ồn, rung theo quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa sạt lở khu vực xung quanh dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong khai thác.
- Quá trình khai thác thực hiện đảm bảo áp dụng các thông số, hệ thống khai thác đã được tính toán như trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc hồ sơ khai thác đã được phê duyệt, để đảm bảo an toàn không xảy ra các sự cố môi trường.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra sườn tầng, bờ moong và những vị trí có nguy cơ sạt lở đặc biệt trước và sau các đợt mưa lũ lớn. Gia cố các vị trí có nguy cơ mất ổn định, có dấu hiệu trượt,...

- Lắp đặt biển cảnh báo, rào chắn an toàn tại vùng có dấu hiệu sụt lún hoặc rạn nứt để mọi người biết phòng tránh.

b) Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải trong quá trình khai thác và quá trình vận chuyển.

- Xe vận chuyển phải sử dụng thùng kín hoặc che phủ bạt chắc chắn, không chở vượt thành thùng, hạn chế vận chuyển đất, sét làm rơi vãi trên đường.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng phương tiện, đặc biệt là thùng ben, cửa xả và hệ thống chắn để tránh rò rỉ vật liệu.

- Tổ chức quét dọn, thu gom cát rơi vãi và tưới nước định kỳ trên tuyến đường vận chuyển, nhất là khu vực qua khu dân cư, khu vực giao nhau với quốc lộ.

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư, điểm giao với quốc lộ với tần suất 02 – 3 lần/ ngày, tần suất này có thể tăng khi trời nắng hoặc khi phát sinh bụi; che chắn, sử dụng biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với những vị trí, khu vực dễ phát sinh bụi có khả năng ảnh hưởng, đặc biệt hoa màu, cây cối xung quanh.

c) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống giao thông khu vực

- Bảo đảm tải trọng và tốc độ xe trên toàn bộ tuyến đường nội mỏ và tuyến đường giao thông nông thôn.

- Nghiêm cấm tuyệt đối các hành vi phóng nhanh vượt ẩu, lấn làn hoặc tranh chấp đường giao thông.

- Lắp đặt đầy đủ hệ thống biển báo hiệu đường bộ theo quy định.

- Bố trí xe chạy theo hướng dẫn của nhân viên bảo vệ khi ra, vào dự án.

- Tất cả các xe tải tham gia vận chuyển phải có đầy đủ chứng nhận đăng kiểm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

- Nhắc nhở tài xế chấp hành các quy định về an toàn giao thông (về tốc độ, làn đường, che chắn vật liệu khi vận chuyển...).

- Đảm bảo an toàn công trình giao thông, đặc biệt các tuyến đường nội và đường quốc lộ.

- Khi có sự cố an toàn giao thông xảy ra, báo ngay cho đơn vị chức năng địa phương phối hợp xử lý và hỗ trợ theo quy định.

- Cam kết thường xuyên tưới nước đảm bảo xe lưu thông không gây bụi; không ảnh hưởng đến đời sống của người dân hai bên đường của tuyến đường vận chuyển từ khu vực khai thác ra đường giao thông liên xã.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Thường xuyên vệ sinh tuyến đường vận chuyển khi rơi vãi trên đường ảnh hưởng đến an toàn giao thông; tu sửa, cải tạo hoặc hỗ trợ địa phương khi tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng.

- Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị (*nhà điều hành, máy móc thiết bị,...*) thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; tạo tuyến đường dân sinh cho người dân đi lại được thuận lợi và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định, bàn giao cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

- Gia cố, cải tạo sườn tầng, taluy với khối lượng khoảng 553,5 m³ (diện tích san gạt 1.845 m², chiều dày khoảng 0,3 m).

- San gạt đáy moong: khối lượng đất san gạt khoảng 7.609,5 m³ (diện tích san gạt 25.365 m², chiều dày khoảng 0,3 m).

- Vận chuyển đất tầng phủ vào đáy moong để phục hồi môi trường: khối lượng khoảng 8.163 m³.

- Gia cố hồ lắng thu gom nước mưa và rãnh thoát nước mưa thoát ra suối cạn; thực hiện nạo vét bùn lắng, sửa chữa để bảo đảm thu gom và thoát nước mưa.

- Tháo dỡ các công trình, thiết bị: tháo dỡ móng bê tông nền trạm cân, hệ thống giám sát, nhà điều hành (sử dụng container, nhà vệ sinh di động,..) với tổng khối lượng khoảng 50 m³; di chuyển thiết bị khai thác ra khỏi khu vực mỏ.

- Gia cố tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ gần dự án (*nếu hư hỏng*): khối lượng gia cố khoảng 300 m³ (*chiều dài khoảng 300 m, chiều rộng khoảng 5 m, chiều dày khoảng 0,3 m*).

- Lắp đặt biển báo khu vực nguy hiểm: số lượng 04 biển.

- Trồng cây xanh với diện tích 25.365 m²; thực hiện chăm sóc, trồng dặm bảo đảm cây sinh trưởng phát triển.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo phục hồi dự án (*lấy tròn số*): **889.464.000 đồng** (*Bằng chữ: Tám trăm tám mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

- Số lần ký quỹ: 05 lần

+ Lần đầu (lần 01), số tiền ký quỹ lần đầu (bằng 25% tổng số tiền ký quỹ): 222.366.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi hai triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại (mỗi năm): 166.774.500 đồng (*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*)

+ Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ đầu tư phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và môi trường tỉnh Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

6.1. Giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

a. Giám sát sạt lở, sụt lún và các công trình hạ tầng xung quanh:

- Thông số giám sát: diễn biến sạt lở, sụt lún và các đối tượng xung quanh.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục

b. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

6.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường:

- Giám sát trồng và chăm sóc cây: thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo đúng theo quy định ngành lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Đảm bảo thoát nước mưa tốt để đảm bảo cây sống, đảm bảo an toàn tại hồ lắng nước mưa.

6.3. Thực hiện các chương trình giám sát khác

- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra việc thoát nước mưa, tránh hiện tượng

ngập úng, tạo dòng chảy lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân và tuyến đường giao thông.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

7.2. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản, khai thác mỏ; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

7.4. Trong suốt quá trình hoạt động phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

7.5. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động môi trường, đảm bảo an toàn trong lao động và môi trường trong khu vực khai thác, các tuyến đường vận tải trong và ngoài mỏ nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và sau khi đóng cửa mỏ; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác nhất là trước, trong và sau khi kết thúc khai thác.

7.6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

7.7. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.8. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, sự cố môi trường hàng năm (sạt lở khu vực khai thác, khu vực xung quanh dự án, đường vận chuyển) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ, môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.9. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong khai thác; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.10. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.11. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.12. Đối với khoảng cách an toàn từ khu vực khai thác đến các đối tượng xung quanh đề nghị Chủ dự án thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế khai thác được cơ quan có thẩm quyền thẩm định. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo trong quá trình hoạt động, không gây ảnh hưởng đến môi trường, đất đai và hoa màu.

7.13. Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với địa phương sửa chữa, nâng cấp tuyến đường vận chuyển trong quá trình vận chuyển.

7.14. Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

7.15. Tháo dỡ tất cả các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.16. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường./.